

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Nhựt Thành Tân tại văn bản số 62/2025/VB-NTT ngày 14 tháng 11 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7610/TTr-SNN&MT ngày 27 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Nhựt Thành Tân, địa chỉ tại Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Hương có địa chỉ tại xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

a) Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Hương.

b) Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303714966 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 23/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 21/8/2024.

d) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 0744728402 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang (nay là Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp) chứng nhận lần đầu ngày 20/11/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 10/10/2023.

đ) Mã số thuế: 0303714966

e) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút vào khu công nghiệp theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Điều chỉnh quy hoạch và đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Tân Hương (quy mô 197,33 ha) được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và theo quyết định điều chỉnh một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Điều chỉnh quy hoạch và đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Tân Hương (quy mô 197,33 ha) được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2015, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư của Khu công nghiệp	Mã ngành (theo quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng chính phủ)
1	Công nghiệp nhẹ: ngành dệt, may mặc, các sản phẩm da, sản xuất da, sản xuất bao bì, chế biến giấy, nội thất, vật dụng gia đình, đan lát, sản xuất vỏ hộp, sản xuất dụng cụ văn phòng, dụng cụ thể thao, đồ chơi, ngành in thêu	C13, C14, C15 (không bao gồm C1511), C16, C17 (không bao gồm C1701), C2220, C31, C2817, C323, C324
2	Công nghiệp chế biến nông sản: ngô sắn, nước giải khát, hoa quả xuất khẩu, bánh kẹo xuất khẩu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, nguyên vật liệu dùng để sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.	C10 (không bao gồm C101, C1062), C11, C2029.
3	Công nghiệp đa năng: cơ khí lắp ráp; cơ khí chế tạo; công cụ nông nghiệp; hóa mỹ phẩm; sản xuất hàng điện tử, vi điện tử; sản xuất thiết bị điện đa dụng, điện lạnh; sản xuất thiết bị, linh kiện, phụ	C25, C26, C27, C28, C29.

kiện điện tử, điện tử; các linh kiện, thiết bị ngành cơ khí, cơ khí chính xác; sản xuất phụ tùng xe ô tô.	
---	--

g) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 197,33 ha.

- Nhóm cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): cơ sở tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm A và có tổng mức đầu tư: 581.649.408.851 đồng.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa, đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Nhứt Thành Tân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Nhứt Thành Tân có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép 7 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muon*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND xã Tân Hương;
- Công ty Cổ phần Nhứt Thành Tân;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP,
Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên *5*

KT. CHỦ TỊCH *mece*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 240 /GPMT-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp Tân Hương.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tân Hương.
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ nhà chứa bùn của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tân Hương.
- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ máy ép bùn của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tân Hương.
- Nguồn số 05: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực nhà điều hành Khu công nghiệp Tân Hương.
- Nguồn số 06: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực trạm xử lý nước cấp Khu công nghiệp Tân Hương.
- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ việc vệ sinh bể lọc tại trạm xử lý nước cấp Khu công nghiệp Tân Hương.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Năm Thăm đoạn chảy qua xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp.
- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): nước thải sau mương quan trắc theo tuyến ống chảy qua đường nội bộ trong khu công nghiệp và xả ra kênh Năm Thăm tại 01 điểm xả; tọa độ vị trí xả nước thải: $X=1159953$; $Y=648019$.
 - Lưu lượng xả thải lớn nhất: $4.500\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
 - Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt, ven bờ.
 - Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).
 - Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$) và QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031				
1	Lưu lượng (đầu vào)	m³/giờ	-	Miễn quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc tự động liên tục
2	Lưu lượng (đầu ra)	m³/giờ	-		
3	pH	-	6 – 9		
4	Nhiệt độ	°C	40		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	45		
6	COD	mg/L	67,5		
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,5		
8	Màu	Pt/Co	50	Quan trắc định kỳ 3 tháng/lần	Không yêu cầu
9	BOD ₅ (20°C)	mg/L	27		
10	Tổng nitơ	mg/L	18		
11	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	3,6		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5		
13	Chì	mg/L	0,09		
14	Crom (VI)	mg/L	0,045		
15	Crom (III)	mg/L	0,18		
16	Đồng	mg/L	1,8		
17	Kẽm	mg/L	2,7		
18	Mangan	mg/L	0,45		
19	Sắt	mg/L	0,9		
20	Tổng xianua	mg/L	0,063		
21	Tổng phenol	mg/L	0,09		
22	Florua	mg/L	4,5		
23	Sunfua	mg/L	0,18		
24	Clorua	mg/L	450		
25	Clo dư	mg/L	0,9		
26	Coliform	Vi khuẩn /100mL	3.000		
II	Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường				
1	Lưu lượng (đầu vào)	m³/giờ	-	Miễn quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc
2	Lưu lượng (đầu ra)	m³/giờ	-		
3	pH	-	6 – 9		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Nhiệt độ	°C	≤ 40		tự động liên tục
5	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	≤ 30		
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 60		
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 5		
8	Độ màu	Pt/Co	≤ 50	Quan trắc định kỳ 3 tháng/lần	Không yêu cầu
9	Nhu cầu oxy sinh học BOD ₅ (20°C)	mg/L	≤ 30		
10	Tổng nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20		
11	Tổng photpho (T-P)	mg/L	≤ 4		
12	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 1		
13	Chì (Pb)	mg/L	$\leq 0,1$		
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	$\leq 0,1$		
15	Tổng Crom (Cr)	mg/L	$\leq 0,05$		
16	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1		
17	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 1		
18	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2		
19	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2		
20	Xianua (CN ⁻)	mg/L	$\leq 0,2$		
21	Tổng phenol	mg/L	≤ 1		
22	Florua (F ⁻).	mg/L	≤ 3		
23	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	$\leq 0,2$		
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	≤ 500		
25	Clo dư	mg/L	≤ 1		
26	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương, có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

- Nguồn số 02 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương, có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

- Nguồn số 03 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương, có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

- Nguồn số 04 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương, có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

- Nguồn số 05 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

- Nguồn số 06 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

- Nguồn số 07 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương có công suất 4.500 m³/ngày.đêm → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung, tổng công suất 4.500 m³/ngày đêm gồm 02 module xử lý, 01 điểm xả thải chung.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Mô đun 1: nước thải đầu vào từ nguồn số 1 đến nguồn số 7 → Hố thu gom chung → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Bể chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học thiếu khí → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Ngăn trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

+ Mô đun 2: nước thải đầu vào từ nguồn số 1 đến nguồn số 7 → hố thu gom chung → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → bể chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → bể sinh học thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc chung cho 02 module → Kênh Năm Thăm.

+ Công suất thiết kế: tổng công suất của toàn hệ thống là: 4.500 m³/ngày đêm gồm 02 module xử lý (module 1: công suất 1.500 m³/ngày đêm, module 2: công suất 3.000 m³/ngày đêm).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Mật rỉ đường, metanol, NaOH, PAC (30%) (dạng bột), Polymer Anion, Chlorine.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục với thông tin như sau:

- Số lượng: 01 trạm
- Vị trí lắp đặt: hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, COD, TSS, Nhiệt độ và NH_4^+ .
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: đã lắp đặt 02 camera giám sát trực tuyến.
- Dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục của Công ty đã được truyền trực tiếp về phần mềm Envisoft đang được Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, vận hành theo công văn số 4585/SNN&MT-MT ngày 10/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành về môi trường.
- Lấy mẫu định kỳ để phân tích theo kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của Khu công nghiệp.
- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động đảm bảo theo quy định hiện hành.
- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Kiểm soát nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp

đ) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Trường hợp chất lượng nước đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung vượt quy chuẩn:

+ Khi xảy ra sự cố, hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải ra nguồn tiếp nhận mà chuyển toàn bộ nước thải từ bể khử trùng về hồ thu gom và bể điều hòa của 02 mô đun. Tiến hành rà soát, xác định nguyên nhân, vị trí xảy ra sự cố để đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

+ Lượng nước thải chứa trong hồ thu gom và bể điều hòa của 02 hệ thống xử lý sẽ được xử lý lại.

- Trường hợp thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:

+ Khi phát hiện sự cố thì toàn bộ nước thải của đơn nguyên sự cố này sẽ được bơm về hồ thu và nước thải đầu vào của Khu công nghiệp một phần được bơm vào bể điều hòa. Tiến hành kiểm tra, rà soát và thay thế bằng các thiết bị máy móc dự phòng sẵn có để hệ thống được vận hành ngay.

+ Trong trường hợp sự cố có thời gian khắc phục trong thời gian dài sẽ thuê đơn vị có chức năng thực hiện xử lý sự cố đảm bảo khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất; đồng thời thuê đơn vị có chức năng xử lý lượng nước thải có chất lượng đầu ra không đạt quy định cho phép.

- Trường hợp Hệ thống xử lý nước thải tập trung bị mất điện: Sử dụng máy phát điện dự phòng cho quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

e) Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương:

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào
1	pH	-	5-9
2	Nhiệt độ	°C	45
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
4	COD	mg/l	700
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	25
6	Màu	Pt/Co	200
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	400
8	Tổng nitơ	mg/l	60
9	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
11	Chì	mg/l	1
12	Crom (VI)	mg/l	0,1
13	Crom (III)	mg/l	1
14	Đồng	mg/l	2
15	Kẽm	mg/l	3
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,2
20	Florua	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	1
22	Clorua	mg/l	1.000
23	Clo dư	mg/l	1
24	Coliform	vi khuẩn /100ml	100.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực (tháng 12/2025 đến tháng 5/2026).

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung, tổng công suất 4.500 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰0', múi chiều 3⁰): Đầu ra hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X = 1159938.27, Y = 648045.66.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q = 0,9 và K_f = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6 – 9
2	Nhiệt độ	°C	40
3	Chất rắn lơ lửng	mg/L	45
4	COD	mg/L	67,5
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,5
6	Màu	Pt/Co	50
7	BOD ₅ (20°C)	mg/L	27
8	Tổng nitơ	mg/L	18
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	3,6
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5
11	Chì	mg/L	0,09
12	Crom (VI)	mg/L	0,045
13	Crom (III)	mg/L	0,18
14	Đồng	mg/L	1,8
15	Kẽm	mg/L	2,7
16	Mangan	mg/L	0,45
17	Sắt	mg/L	0,9
18	Tổng xianua	mg/L	0,063
19	Tổng phenol	mg/L	0,09
20	Florua	mg/L	4,5
21	Sunfua	mg/L	0,18
22	Clorua	mg/L	450
23	Clo dư	mg/L	0,9
24	Coliform	vi khuẩn /100mL	3.000

c) Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2205 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 240 /GPMT-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: khu vực hoạt động của máy thổi khí tại module 1 công suất thiết kế 1.500 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 2: khu vực hoạt động của máy thổi khí tại module 2 công suất thiết kế 3.000 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 3: khu vực hoạt động của máy phát điện dự phòng chung tại nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 4.500 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 4: khu vực hoạt động của máy phát điện dự phòng tại Nhà điều hành Khu công nghiệp
- Nguồn số 5: khu vực hoạt động của máy phát điện dự phòng tại trạm xử lý nước cấp.
- Nguồn số 6: khu vực trạm bơm nước sạch tại trạm xử lý nước cấp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (tọa độ lấy tại trung tâm của khu vực phát sinh tiếng ồn và rung):

- Nguồn số 1: tọa độ: X=1159964; Y=648070.
- Nguồn số 2: tọa độ: X=1159927; Y=648119.
- Nguồn số 3: tọa độ: X=1159963; Y=648053.
- Nguồn số 4: tọa độ: X=1159323; Y=648989.
- Nguồn số 5: tọa độ: X=1159905; Y=649320.
- Nguồn số 6: tọa độ: X=1159898; Y=649323.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:

3.1. Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Kể từ ngày 01/01/2027: Áp dụng QCVN 26:2025/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch bảo trì toàn bộ máy móc, thiết bị để luôn hoạt động ở tình trạng tốt, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây ra. Thay mới máy móc, thiết bị khi xuống cấp, không còn đảm bảo yêu cầu.

- Nền móng đặt máy phát điện dự phòng được xây dựng bằng bê tông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **240** /GPMT-UBND
ngày **01** tháng **12** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	30
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	Lỏng	25
Tổng khối lượng				55

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	20
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	20
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	35
4	Bùn thải từ nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp	12 06 05	Bùn	70.350
Tổng khối lượng				70.425

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 304 kg/năm gồm hộp mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải, Giấy và bao bì các tông thải bỏ.

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 300 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa: 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí kho lưu chứa bùn thải có diện tích 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: xây tường gạch, có mái che, nền bê tông chống thấm, có hố thu gom nước rỉ từ bùn thải, có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định và bảng tên ghi rõ kho chứa bùn.

- Các loại chất thải công nghiệp thông thường khác: trang bị các thùng lưu giữ chất thải rắn thông thường có nắp đậy (bố trí tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển).

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt (bố trí tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 240 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 12
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.

